TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày: 03/02/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí;

2. Ông Lê Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 632/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 213/4E Lê Đình Cẩn, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: ấp Thị 1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước Hậu, sinh 1997; địa chỉ: ấp Trung Phú 4, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số 1238 ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (theo Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2022 của Phòng Công chứng số 1, tỉnh An Giang chứng nhận); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1962; địa chỉ: số 138, ấp An Phú, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Phước Hậu cho rằng:

- Ngày 24/3/2020, bà Lê Thị Đ cho bà Trần Thị Th vay số tiền 20.000.000 đồng; thời hạn vay 04 tháng (thỏa Thận bằng miệng); lãi suất thỏa Thận là

3%/tháng, hai bên chỉ thỏa Thận bằng miệng mà không ghi vào biên nhận; khi cho vay hai bên có làm biên nhận đề "ngày 24 - tháng ba" không đề năm; biên nhận do bà Đ viết. Đối với khoản vay này, bà Trần Thị Th chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi theo thỏa Thận.

Đối với khoản vay này bà Lê Thị Đ yêu cầu bà Trần Thị Th trả tiền gốc là 20.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi 20%/năm kể từ ngày 24/3/2020 tạm tính đến tháng 7/2022 là 9.333.000 đồng. Căn cứ chứng minh là biên nhận tiền.

- Ngày 28/3/2020, bà Lê Thị Đ cho bà Trần Thị Th vay số tiền 50.000.000 đồng; thời hạn vay là 04 tháng (thỏa Thận bằng miệng); lãi suất thỏa Thận là 3%/tháng (thỏa Thận bằng miệng); khi cho vay hai bên có làm biên nhận ngày 28/3/2020, biên nhận do bà Đ viết. Đối với khoản vay này, bà Trần Thị Th chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi suất theo thỏa Thận.

Đối với khoản vay này, bà Lê Thị Đ yêu cầu bà Trần Thị Th trả tiền gốc là 50.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 28/3/2020 tạm tính đến tháng 7/2022 tương ứng số tiền 23.333.000 đồng. Căn cứ chứng minh là tờ cho mượn tiền.

- Sau đó, bà Lê Thị Đ tiếp tục cho bà Trần Thị Th vay nhiều lần, không nhớ rõ số tiền của từng lần vay, khi cho vay thì hai bên chỉ thỏa Thận bằng miệng, không làm văn bản/hợp đồng hoặc biên nhận gì, khi vay thì hai bên thỏa Thận lãi suất là 3%/tháng và thời hạn cho vay là 04 tháng. Từ khi vay bà Th chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà Đ. Đến ngày 28/12/2020, bà Đ và bà Th đã chốt tiền nợ của các lần vay là 72.000.000 đồng. Nay bà Lê Thị Đ yêu cầu bà Trần Thị Th trả số tiền vay 72.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 20%/năm tạm tính từ ngày 28/12/2020 đến tháng 7/2022 tương ứng số tiền lãi là 24.000.000 đồng. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu này là văn bản chốt nợ do bà Trần Thị Th viết.

Từ khi bà Trần Thị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Đ đã liên hệ nhiều lần qua điện thoại và gặp trực tiếp để yêu cầu bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Th hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà Lê Thị Đ yêu cầu bà Trần Thị Th phải trả tổng số tiền là 198.666.000 đồng, trong đó: vốn gốc là 142.000.000 đồng; tiền lãi 56.666.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đại diện nguyên đơn có thay đổi nội dung yêu cầu về tính lãi suất, theo đó yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 10%/năm, đối với các khoản vay.

- Bị đơn bà Trần Thị Th trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có mặt, không ghi nhận được ý kiến. Tuy nhiên, tại Biên bản ghi nhận lời khai ngày 01/2/2023 do Cán bộ Tòa án ghi nhận, bà Th xác định đúng là có vay của bà Đ số tiền là 142.000.000đồng, các đợt vay như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, nhưng đề nghị trả dần với mức là 300.000đồng/tháng cho đến khi hết nợ, cũng như không đồng ý yêu cầu tính lãi do không có khả năng để trả lãi theo yêu cầu của bà Đ.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Phước Hậu trình bày như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phần tranh luận, đại diện nguyên đơn đề nghị, do bị đơn cũng có khó khăn về kinh tế, nên rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi với các khoản vay do bà Đ cho bà Th vay, với mức lãi yêu cầu là 10%/năm; không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần hàng tháng của bà Th với số tiền 300.000 đồng/tháng.

- Bị đơn bà Trần Thị Th vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ Điều 227, 288 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Th.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ;

- Buộc bà Trần Thị Th có trách nhiệm trả bà Lê Thị Đ số tiền 142.000.000 đồng;

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị Đ đối với số tiền 142.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Th trả số tiền vay theo thỏa Thận bằng lời nói, cùng các tài liệu chứng cứ viết tay với tổng số tiền là 142.000.000đồng. Bà Trần Thị Th có hộ khẩu thường trú tại huyện Chợ Mới nên yêu cầu kiện của bà Đ Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g, h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở bị đơn bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, ngoài ra tại biên bản ghi nhận lời khai ngày 01/02/2023 bà Th đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc ủy quyền của đương sự:* Bà Đ ủy quyền cho ông Hậu tham gia tố tụng, văn bản ủy quyền được công chứng theo đúng quy định pháp luật công chứng, việc ủy quyền phù hợp theo quy định tại Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận tư cách đại diện theo ủy quyền của ông Hậu.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu khởi kiện, về xác định số tiền nợ gốc bà Th phải trả,* theo trình bày của đại diện nguyên đơn, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện do chỗ quen biết, nên bà Đ cho bà Th vay tiền làm nhiều lần, các lần vay các bên thỏa Thận bằng lời nói về lãi suất là 03%/tháng và thời hạn vay là 04 tháng, từng khoản vay cụ thể: Ngày 24/3/2020, bà Th làm biên nhận vay tại tờ biên nhận có đề "ngày 24-tháng ba" không đề năm, bà Th vay số tiền là 20.000.000đồng, khoản vay này bà Th chưa trả gốc, lãi; đến ngày 28/3/2020, bà Th vay tiếp số tiền 50.000.000đồng, có làm giấy biên nhận vay do bà Đ viết, bà Th là người ký tên; tiếp sau đó bà Th có nhiều lần vay tiền của bà Đ với tổng số tiền là 72.000.000đồng.

Xét thấy, việc bà Đ yêu cầu khởi kiện bà Th về yêu cầu bà Th trả số tiền của nhiều lần vay với số tiền là 142.000.000đồng là phù hợp với lời khai của bà Th tại Biên bản ghi nhận lời khai ngày 01/02/2023 bà Th xác nhận có vay tổng số tiền của bà Đ là 142.000.000đồng, nhưng bà Th không đồng Thận trả ngay một lần, mà thanh toán dần hàng tháng với mức 300.000đồng/tháng cho đến khi thanh toán hết nợ, việc thanh toán này tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bà Đ không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà Đ với bà Th, do việc bà Th thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền là 142.000.000 đồng, nên buộc bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đ số tiền là 142.000.000đồng *(một trăm bốn mươi hai triệu đồng)*; các tài liệu, chứng cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có căn cứ "Tờ cho mượn tiền", Tờ xác nhận số tiền 20.000.000đồng, Tờ giấy tập ghi *"tôi Th có thiếu chị Đ 10042 200 lẻ 142000 Th Trần Thị Th"*, tờ ghi số tiền 50.000.000đồng ngày 28/3/2020 và Biên bản ghi nhận lời khai của là Trần Thị Th ngày 01/02/2023.

[2.2] *Về lãi suất:* Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày thay đổi nội dung đơn khởi kiện, bà Đ yêu cầu bà Th phải có nghĩa vụ trả lãi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Đ tại phần tranh luận đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu tính lãi đối với tổng số tiền mà bà Đ đã cho bà Th vay là 142.000.000 đồng. Xét thấy, đại diện theo ủy quyền của bà Đ rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho bị đơn là bà Th. Do đó, Hội đồng xét xử

thống nhất, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Đ đối với bà Th với tổng số tiền bà Th đã vay của bà Đ là 142.000.000đồng.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do bà Đep là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí, nên Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà Đ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 298, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 217, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ đối với bà Trần Thị Th

Buộc bà Trần Thị Th trả cho bà Lê Thị Đ số tiền là 142.000.000 đồng *(một trăm bốn mươi hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Lê Thị Đ đối với bà Trần Thị Th với tổng số tiền 142.000.000 đồng *(một trăm bốn mươi hai triệu đồng)*.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.100.000 đồng *(Bảy triệu một trăm nghìn đồng)*, bà Th có nghĩa vụ nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị Đ, người đại diện theo ủy quyền của bà Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Trần Thị Th, được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (4);
- Người đại diện hợp pháp của đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**